

Bản án số: 61/2023/HS-ST
Ngày 27/7/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Việt D

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thúy H

Nghề nghiệp: Giáo viên. Chức vụ: Hiệu trưởng Trường Trung học cơ sở T
huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Bà Hoàng Thị G

Nghề nghiệp: Chủ tịch hội liên hiệp phụ nữ huyện C, tỉnh Phú Thọ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hải P - Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham
gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Quỳnh N- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê,
tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số
62/2023/TLST-HS ngày 04 tháng 7 năm 2023, theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số:
63/2023/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 7 năm 2023 đối với:

1. Vũ Cao K, Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 11 tháng
5 năm 2006 tại Cẩm Khê, Phú Thọ; (tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội; K
được 16 tuổi, 10 tháng, 13 ngày); Nơi cư trú: khu H, xã H, huyện Cẩm Khê, tỉnh
Phú Thọ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Nghề
nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 06/12; Con ông Vũ Đức T, sinh năm
1984; Con bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1987; Gia đình bị cáo có 3 anh, em, bị
cáo là con thứ nhất trong gia đình; Vợ, con: chưa có; Tiền án: Không; Tiền sự:
Không; Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm
đi khỏi nơi cư trú” ngày 13/4/2023. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại xã H, huyện
Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ; có mặt.

1.1. *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Vũ Cao K* là bà Nguyễn Thị T,
sinh năm 1987; Trú tại: Khu H, xã H, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ; có mặt.

1.2. *Người bào chữa cho bị cáo Vũ Cao K:* Bà Hà Thị Lan H – Trợ giúp
viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Phú Thọ; có mặt.

2. Vũ Ngọc Quang L, Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày
20 tháng 10 năm 2006 tại Cẩm Khê, Phú Thọ; (tại thời điểm thực hiện hành vi
phạm tội; L được 16 tuổi, 05 tháng, 04 ngày); Nơi cư trú: khu X, xã H, huyện

Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12; Con ông Vũ Ngọc S, sinh năm 1983; Con bà Dương Thị Đ, sinh năm 1985; Gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Vợ, Con: chưa có; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” ngày 13/4/2023. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại xã H, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ; có mặt.

2.2. *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Vũ Ngọc Quang L* là bà Dương Thị Đ, sinh năm 1985; Trú tại: Khu X, xã H, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ; có mặt.

2.3. *Người bào chữa cho bị cáo Vũ Ngọc Quang L*: Bà Bùi Thu H – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Phú Thọ; có mặt.

3. Bị hại: Ông Nguyễn Khắc Đ, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Khu C, xã S, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ; Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Người có Q lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Tiến Đ, sinh năm 2005.

Địa chỉ: Khu 7, xã V, huyện H, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt.

- Anh Nguyễn Thịnh Văn Q, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Khu 2, xã Y, huyện H, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt.

- Anh Trịnh Văn H, sinh năm 1993

Địa chỉ: Khu B, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên **Vũ Cao K**, sinh ngày 11/5/2006, nơi ĐKHKT: khu H, xã H, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ có bàn bạc, thống nhất với **Vũ Ngọc Quang L** (bạn của K), sinh ngày 20/10/2006, nơi ĐKHKT: Khu Xuân Ứng 2, xã H, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ về việc trong thời gian tới K sẽ nhờ L trở K đi tìm mượn xe mô tô của người thân của K, sau khi mượn được xe, L tìm chỗ bán xe để lấy tiền. K hứa với L sau khi bán được xe thì K trả tiền công cho L. Khoảng hơn 11 giờ ngày 24/3/2023 K có gọi điện cho L qua ứng dụng messenger trên mạng xã hội facebook có tên “*Nguyễn Quốc Huy*” đến messenger của L tên “*Tô Gia Long*” để rủ L đi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Sau đó, L điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS: 19G1.51360 đến đón K. K chỉ đường bảo L chở đến nhà ông Nguyễn Khắc Đ (là anh em họ trong gia đình nhà K) – sinh năm 1962 ở khu C, xã T, huyện Cẩm Khê. Khi đến cổng nhà ông Đ thì K bảo L đi về nhà trước, nếu lấy được xe thì K sẽ xuống nhà L sau. Khi vào nhà ông Đ thì K có nói dối ông Đ điện thoại của K bị hỏng mà không có xe để đi sửa nên mượn xe của ông Đ để đi sửa điện thoại. Ông Đ đưa chìa khóa và xe mô tô nhãn hiệu Honda Vission màu xanh đen BKS: 19G1-5.....cho K mượn. Sau khi mượn được xe thì K điều khiển xe ra đường rồi tháo 02 chiếc

gương chiếu hậu của xe để dưới chỗ để chân rồi điều khiển xe đến nhà L. Khi đến nhà L thì K bảo L liên hệ chỗ để bán chiếc xe trên. L bảo K đi lên thị trấn Cẩm Khê, huyện Cẩm Khê để bán chiếc xe trên. K điều khiển chiếc xe mô tô vừa lừa đảo được của ông Đ còn L điều khiển xe mô tô BKS: 19G1.5136. Khi đi đến cầu Đen thuộc xã T, huyện Cẩm Khê do xe K đang điều khiển lắp chống trộm nên xe bị tắt máy, L có đẩy K cùng chiếc xe trên đến quán sửa xe của anh Trịnh Văn H – sinh năm 1993 ở khu B, xã P, huyện Cẩm Khê để nhờ sửa xe. Sau khi nhờ sửa được xe và mở cốp xe thì K thấy trong cốp xe có 01 ví giả da màu nâu loại ví nam. K kiểm tra trong ví thì thấy bên trong ví có số tiền 420.000đ (*bốn trăm hai mươi nghìn đồng*), 01 thẻ căn cước công dân, 01 chứng minh thư nhân dân, 01 thẻ bảo hiểm y tế đều mang tên ông Nguyễn Khắc Đ, 02 giấy chứng nhận bảo hiểm đường bộ dành cho xe mô tô, 01 đăng ký của xe mô tô trên. K rủ L đi sang thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ để tìm chỗ bán xe cho đỡ lố. K và L đi đến quán nước ở khu vực Đền H – thành phố Việt Trì thì L có dùng messenger của L tên “*Tô Gia Long*” liên hệ với messenger có tên “*Nguyễn Đ*” của anh Nguyễn Tiến Đ (bạn của L) – sinh năm 2005 ở khu 7, xã V, huyện H, tỉnh Phú Thọ để hỏi chỗ mua xe. L chụp ảnh xe và giấy tờ xe gửi cho anh Đ. Anh Đ có hỏi nguồn gốc xe, để anh Đ tin tưởng nên L nói dối anh Đ: Chiếc xe trên là của bố nuôi K cho K. K bảo L nói với anh Đ là K bán chiếc xe trên với giá trên 25.000.000đ (*hai mươi lăm triệu đồng*) thì anh Đ trả lời chiếc xe trên anh Đ sẽ mua với giá không dưới 22.000.000đ (*hai mươi hai triệu đồng*), cụ thể khi gặp sẽ thỏa thuận sau. Anh Đ hẹn L và K mang xe đến thị xã Phú Thọ để mua bán. Anh Đ có dùng messenger của mình liên hệ với messenger “*Nguyễn Văn Q*” của anh Nguyễn Thịnh Văn Q – sinh năm 2000 ở khu 2, xã Yên Luật, huyện H, tỉnh Phú Thọ để giới thiệu anh Q mua chiếc xe trên. Anh Q đồng ý, cùng anh Đ đi đến gặp K và L. Quá trình hai bên trao đổi mua bán xe thì anh Q có hỏi K về nguồn gốc chiếc xe trên thì K nói chiếc xe trên là của bố nuôi K cho K nay K không sử dụng nữa nên bán. K đưa anh Q xem các giấy tờ xe. Anh Q tin chiếc xe trên là của K nên anh Q và K viết giấy mua bán xe, thỏa thuận mua bán xe trên với giá là 23.000.000đ (*hai mươi ba triệu đồng*). Anh Q đưa K số tiền 23.000.000đ (*hai mươi ba triệu đồng*), K giao xe và chìa khóa xe, 02 giấy bảo hiểm xe mô tô và giấy đăng ký xe trên cho anh Q. Sau khi mua bán xe xong thì K có cho anh Q 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*), cho anh Đ số tiền 50.000đ (*năm mươi nghìn đồng*), K trả công cho L 500.000đ (*năm trăm nghìn đồng*). Sau đó, L trở K về xã P, huyện Cẩm Khê thì K xuống xe còn L đi về nhà L. K có thuê 01 chiếc xe taxi (K không biết tên lái xe, không nhớ Biển kiểm soát) để đi thành phố Hà Nội. Trên đường đi, khi đi qua xã Đồng Lương, huyện Cẩm Khê thì K có lấy số tiền 420.000đ (*bốn trăm hai mươi nghìn đồng*) trong ví của ông Đ rồi rút 01 ví, 01 căn cước công dân, 01 chứng minh thư nhân dân mang tên ông Đ ra ngoài lề đường. Sau đó, K mang số tiền vừa bán xe và 420.000đ (*bốn trăm hai mươi nghìn đồng*) đi Hà Nội và tiêu sài vào mục đích cá nhân hết số tiền 16.570.000đ (*mười sáu triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng*) còn lại 6.150.000đ (*sáu triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Ông Đ, sau khi biết K lừa đảo xe mô tô của ông, ông Đ đã báo Công an xã

T và Công an huyện Cẩm Khê giải quyết theo quy Đ của pháp luật.

Ngày 25/3/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện Cẩm Khê đã triệu tập L, K, anh Nguyễn Thịnh Văn Q, anh Nguyễn Tiến Đ đến trụ sở Công an làm việc. Tại Cơ quan CSĐT, K và L đã thừa nhận hành vi phạm tội của bản thân, đồng thời K tự nguyện giao nộp số tiền 6.150.000đ (*sáu triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*), L tự nguyện giao nộp số tiền 500.000đ (*năm trăm nghìn đồng*), anh Nguyễn Thịnh Văn Q tự nguyện giao nộp: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vission màu xanh đen BKS: 19G1-5.....xe đã qua sử dụng, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 19000020 của chiếc xe trên, 01 giấy mua bán xe mô tô, xe máy viết ngày 24/3/2023 giữa Nguyễn Thịnh Văn Q và Vũ Cao K, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm số 2200725560, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm số 2200725561 đều mang tên Nguyễn Khắc Đ và số tiền 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*). Anh Nguyễn Tiến Đ tự nguyện giao nộp số tiền 50.000đ (*năm mươi nghìn đồng*).

Ngày 26/3/2023, chị Nguyễn Thị T (là mẹ đẻ của Vũ Cao K) – sinh năm 1987 ở khu H, xã H, huyện Cẩm Khê đã tự nguyện giao nộp số tiền 16.750.000đ (*mười sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) để khắc phục số tiền sau khi bán xe K đã tiêu sài vào mục đích cá nhân.

Ngày 28/3/2023, Cơ quan CSĐT công an huyện Cẩm Khê đã trưng cầu Hội đồng Đ giá tài sản huyện Cẩm Khê Đ giá: trị giá tài sản và trị giá thiệt hại 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vission màu xanh đen BKS: 19G1-5.....màu xanh đen, số khung RLHJK0314NZ053001, số máy: JK03E5389934, đã qua sử dụng và 01 ví giả da màu nâu, loại ví nam, đã cũ. Tại bản kết luận Đ giá tài sản số 11 ngày 29/3/2023, Hội đồng Đ giá tài sản huyện Cẩm Khê có kết luận:

“01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vission màu xanh đen BKS: 19G1-5.....màu xanh đen, số khung RLHJK0314NZ053001, số máy: JK03E5389934, đã qua sử dụng có giá trị là: 32.000.000 đồng (*ba mươi hai triệu đồng*)”

01 ví giả da màu nâu, loại ví nam, đã cũ có giá trị là 50.000đ (*năm mươi nghìn đồng*)”.

Như vậy, tài sản K đã lừa đảo của ông Đ ngày 24/3/2023 gồm 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vission màu xanh đen BKS: 19G1-5.....trị giá 32.000.000đ (*ba mươi hai triệu đồng*), 01 ví giả da màu nâu có giá trị là 50.000đ (*năm mươi nghìn đồng*) có tổng giá trị 32.050.000đ (*ba mươi hai triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*) và số tiền 420.000đ (*bốn trăm hai mươi nghìn đồng*). Tổng tài sản Vũ Cao K lừa đảo ông Đ là **32.470.000đ** (*ba mươi hai triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Trong vụ án này, Vũ Ngọc Quang L không trực tiếp lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tuy nhiên, K và L bàn bạc với nhau, L đã trở K đi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông Đ, giúp K tìm chỗ bán tài sản lừa đảo và được K cho số tiền 500.000đ (*năm trăm nghìn đồng*) nên L là đồng phạm cùng K về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản với vai trò giúp sức.

Tại cơ quan điều tra Vũ Cao K và Vũ Ngọc Quang L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã trình bày ở trên. Lời khai của K và L phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của bị hại, người liên quan và phù hợp với các

tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Phần dân sự:

Người bị hại là ông Nguyễn Khắc Đ đã nhận lại tài sản bị K lừa đảo, không yêu cầu bị cáo K phải bồi thường chiếc ví giả da, căn cước công dân và chứng minh thư nhân dân mà K đã vớt đi, không yêu cầu bị cáo K và L phải bồi thường gì khác, có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo K.

Người có Q lợi liên quan là anh Nguyễn Thịnh Văn Q đã nhận lại số tiền mua xe của K, L và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì khác.

Tại phiên tòa, bị cáo Vũ Cao K khai nhận như sau: Bị cáo thừa nhận nội dung bản cáo trạng truy tố bị cáo và bị cáo L là hoàn toàn đúng. Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vission màu xanh đen BKS: 19G1-5.....được Đ giá là 32.000.000đ (*ba mươi hai triệu đồng*), bên trong cốp xe có 01 ví giả da màu nâu có giá trị là 50.000đ (*năm mươi nghìn đồng*) và số tiền 420.000đ (*bốn trăm hai mươi nghìn đồng*). Tổng tài sản bị cáo và bị cáo L lừa đảo ông Đ là **32.470.000đ** (*ba mươi hai triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng*). Ông Đ đã nhận lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vission màu xanh đen BKS: 19G1-5..., không yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho ông Đ chiếc ví giả da, căn cước công dân và chứng minh thư nhân dân mà bị cáo đã vớt đi. Anh Nguyễn Thịnh Văn Q đã nhận lại số tiền mua xe và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì khác. Bị cáo là lao động tự do, hiện sống cùng gia đình, bị cáo không có tài sản gì có giá trị.

Tại phiên tòa, bị cáo Vũ Ngọc Quang L khai nhận như sau: Bị cáo thừa nhận nội dung bản cáo trạng truy tố bị cáo là hoàn toàn đúng. Khi bị cáo K lừa đảo chiếm đoạt của ông Đ bán được tài sản nên bị cáo K có cho bị cáo số tiền 500.000đồng. Bị cáo đã tự nguyện nộp lại số tiền 500.000đồng. Bị cáo là lao động tự do, hiện sống cùng gia đình, bị cáo không có tài sản gì có giá trị.

Bản cáo trạng số 45/CT-VKSCK ngày 02/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê truy tố bị cáo Vũ Cao K và Vũ Ngọc Quang L về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy Đ tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê giữ Q công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Vũ Cao K và Vũ Ngọc Quang L về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy Đ tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 36; Điều 90; Khoản 1, 3, 4, 6 Điều 91; khoản 3 Điều 98, Điều 100 Bộ luật hình sự;

Xử phạt Vũ Cao K từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36; Điều 90; Khoản 1, 3, 4, 6 Điều 91; khoản 3 Điều 98; Điều 100 Bộ luật hình sự;

Xử phạt Vũ Ngọc Quang L từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Vũ Cao K và Vũ Ngọc Quang L. Không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Cẩm Khê nhận được quyết Đ thi hành án và bản sao bản án. Giao các bị cáo cho UBND xã H, huyện Cẩm Khê

tỉnh Thọ giám sát, giáo dục. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính Q địa phương trong việc giám sát giáo dục các bị cáo. Buộc các bị cáo phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng theo quy Đ tại khoản 4 Điều 36 của Bộ luật hình sự. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng đối với mỗi bị cáo là không quá 04 giờ/01 ngày và không quá 05 ngày/01 tuần. Trong thời gian cải tạo không giam giữ, người bị kết án về cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy Đ tại Luật thi hành án hình sự về cải tạo. Trường hợp các bị cáo vắng mặt tại nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì áp dụng theo quy Đ tại Điều 100 Luật thi hành án hình sự.

- *Về vấn đề dân sự và xử lý vật chứng:* Áp dụng khoản 2 Điều 47, khoản 1 điều 48 của Bộ luật hình sự; khoản 1; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Về phần dân sự:

Người bị hại là ông Nguyễn Khắc Đ đã nhận lại tài sản bị K lừa đảo, không yêu cầu bị cáo K phải bồi thường chiếc ví giả da, căn cước công dân và chứng minh thư nhân dân mà K đã vớt đi, không yêu cầu bị cáo K và L phải bồi thường gì khác, có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo K nên cần xác nhận.

Người có Q lợi liên quan là anh Nguyễn Thịnh Văn Q đã nhận lại số tiền mua xe của K, L và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì khác nên cần xác nhận.

Về xử lý vật chứng:

Xác nhận ngày 12/5/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện Cẩm Khê đã trả lại cho ông Nguyễn Khắc Đ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vission màu xanh đen BKS: 19G1-5..., số máy: JK03E5389934, số khung: RLHJK0314NZ053001, xe đã qua sử dụng, 01 chìa khóa, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 19000020, giấy chứng nhận bảo hiểm số 2200725560 và giấy chứng nhận bảo hiểm số 2200725561 đều mang tên Nguyễn Khắc Đ và số tiền 420.000đ (Bốn trăm hai mươi nghìn đồng); cho anh Nguyễn Thịnh Văn Q số tiền 23.000.000đ (Hai mươi ba triệu đồng). (*Theo biên bản về việc trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cẩm Khê ngày 12/5/2023*)

Lưu hồ sơ vụ án: 01 giấy mua bán xe mô tô, xe máy giữa anh Nguyễn Thịnh Văn Q và Vũ Cao K đề ngày 24/3/2023 (Bản chính).

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo K, bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà là mẹ đẻ cháu K. Bản thân cháu K học hành không đến nơi, đến chốn, hoàn cảnh gia đình thì khó khăn, bà đồng ý nội dung bản cáo trạng truy tố K về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Về trách nhiệm hình sự: Bà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho cháu K vì cháu là người chưa thành niên, cho cháu có cơ hội để làm lại cuộc đời. Đối với phần dân sự: Do bị hại ông Nguyễn Khắc Đ đã nhận lại tài sản nên không đề nghị cháu K phải bồi thường gì thêm; Đồng thời người có Q lợi liên quan là anh Nguyễn Thịnh Văn Q đã nhận lại số tiền mua xe của K, L và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì khác nên bà cũng nhất trí, không có ý kiến gì.

Người bào chữa cho bị cáo Vũ Cao K bà Hà Thị Lan Hương có quan điểm: Nhất trí với tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát truy tố, không tranh luận gì. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy Đ tại điểm b, i, s khoản 1, 2 điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy Đ đối với người chưa thành niên phạm tội xử bị cáo được cải tạo tại địa phương.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo L, bà Dương Thị Đào trình bày: Bản thân cháu L học hành không đến nơi, đến chốn, hoàn cảnh gia đình thì khó khăn, chị đồng ý nội dung bản cáo trạng truy tố L về “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Về trách nhiệm hình sự: Bà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho cháu L vì cháu là người chưa thành niên, cho cháu có cơ hội để làm lại cuộc đời. Đối với phần dân sự: Do bị hại ông Nguyễn Khắc Đ đã nhận lại tài sản nên không đề nghị cháu L phải bồi thường gì thêm; Đồng thời người có Q lợi liên quan là anh Nguyễn Thịnh Văn Q đã nhận lại số tiền mua xe của K, L và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì khác nên chị cũng nhất trí, không có ý kiến gì.

Người bào chữa cho bị cáo Vũ Ngọc Quang L bà Bùi Thu Hà có quan điểm: Nhất trí với tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát truy tố, không tranh luận gì. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo quy Đ tại điểm b, i, s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy Đ đối với người chưa thành niên phạm tội xử bị cáo được cải tạo tại địa phương.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đều nhận thấy hành vi của các bị cáo là sai, vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN Đ CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận Đ như sau:

[1] Về hành vi, quyết Đ tố tụng:

Hành vi, quyết Đ tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Cẩm Khê, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm Q, trình tự, thủ tục theo quy Đ của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết Đ của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết Đ tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Đánh giá các chứng cứ buộc tội đối với các bị cáo:*

Vào khoảng hơn 11 giờ, ngày 24/3/2023, tại nhà ông Nguyễn Khắc Đ – sinh năm 1962 ở khu C, xã T, huyện Cẩm Khê, Vũ Cao K đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt của ông Đ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vission màu xanh đen BKS: 19G1-5.....trị giá 32.000.000đ (*ba mươi hai triệu đồng*), bên trong cốp xe có 01 ví giả da màu nâu có giá trị là 50.000đ (*năm mươi nghìn đồng*) và số tiền

420.000đ (bốn trăm hai mươi nghìn đồng). Tổng tài sản Vũ Cao K lừa đảo ông Đ là **32.470.000đ** (ba mươi hai triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng).

Vũ Ngọc Quang L không trực tiếp lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tuy nhiên, K và L bàn bạc với nhau, L đã trở K đi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông Đ, giúp K tìm chỗ bán tài sản lừa đảo và được K cho số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) nên L là đồng phạm cùng K về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản với vai trò giúp sức.

Hành vi nêu trên của bị cáo Vũ Cao K và Vũ Ngọc Quang L đã xâm phạm Q sở hữu tài sản của người khác được Nhà nước bảo vệ và gây mất trật tự, trị an xã hội.

Lời nhận tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại, người có Q lợi nghĩa vụ liên quan phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra vụ án, kết luận Đ giá tài sản và các tài liệu khác có trong hồ sơ và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, có đủ căn cứ pháp lý kết luận các bị cáo Vũ Cao K và Vũ Ngọc Quang L phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy Đ tại khoản 1 điều 174 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ truy tố bị cáo về tội danh cũng như điều khoản trên là hoàn toàn đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. *Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:*

Vụ án thuộc loại tội phạm ít nghiêm trọng, song hành vi các bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến khách thể là Q sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Hành vi đó còn gây mất trật tự trị an ở địa phương. Các bị cáo đều là người có sức khỏe, hiểu biết xã hội và pháp luật nhưng không chịu lao động làm ăn lương thiện mà muốn có tiền chi tiêu cá nhân nên đã có hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Do vậy cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra. Song trước khi quyết Đ hình phạt cũng cần xem xét đến nhân thân, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình phạt đối với các bị cáo như sau:

Đây là vụ án đồng phạm tính chất giản đơn, trong đó Vũ Cao K là người trực tiếp thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản còn Vũ Ngọc Quang L không trực tiếp lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tuy nhiên, K và L bàn bạc với nhau, L đã trở K đi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông Đ, giúp K tìm chỗ bán tài sản lừa đảo và được K cho số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) nên L là đồng phạm cùng K về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản với vai trò giúp sức.

Xét về nguyên nhân, động cơ, điều kiện phạm tội: Các bị cáo đều là những thanh niên còn trẻ tuổi, có trình độ hiểu biết xã hội và pháp luật nhất Đ nhưng không chịu tu dưỡng, rèn luyện, ý thức chấp hành pháp luật kém. Bị cáo K và L đều được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy Đ tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Riêng bị cáo K được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 do bị hại ông Nguyễn Khắc Đ có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng

trách nhiệm hình sự nào. Các bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội đều là người chưa thành niên phạm tội nên cần áp dụng các quy Đ của Bộ luật tố tụng hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội đối với các bị cáo theo quy Đ.

Với các tình tiết nêu trên, áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo là phù hợp.

Theo quy Đ tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự quy Đ “Trong thời gian chấp hành án, người bị kết án phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy Đ về cải tạo không giam giữ và bị khấu trừ một phần thu nhập từ 05% đến 20% để sung quỹ nhà nước...”. Xong xét thấy bị cáo Vũ Cao K và Vũ Ngọc Quang L đều là người chưa thành niên lại lao động tự do, thu nhập không ổn Đ cũng như quy Đ tại khoản 2 Điều 100 Bộ luật hình sự thì không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo nhưng các bị cáo phải lao động phục vụ cộng đồng theo quy Đ của pháp luật.

[4] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự quy Đ: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất Đ từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”. Qua xác minh các bị cáo Vũ Cao K và Vũ Ngọc Quang L đều là lao động tự do, không có tài sản gì có giá trị cũng như đều là người chưa thành niên nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là phù hợp.

Đối với anh Trịnh Văn H không biết mình sửa xe do K và L lừa đảo được mà có, nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Cẩm Khê không đề cập xử lý anh H là đúng quy Đ của pháp luật.

Đối với anh Nguyễn Tiến Đ giới thiệu anh Nguyễn Thịnh Văn Q sau đó anh Q mua xe của K và L nhưng anh Đ và anh Q đều không biết chiếc xe do K và L lừa đảo được mà có, nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Cẩm Khê không đề cập xử lý anh Đ, anh Q là đúng quy Đ của pháp luật.

[5] Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp và các vấn đề khác:

- Về xử lý vật chứng:

Đối với: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vission màu xanh đen BKS: 19G1-52900, số máy: JK03E5389934, số khung: RLHJK0314NZ053001, xe đã qua sử dụng, 01 chìa khóa, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 19000020, giấy chứng nhận bảo hiểm số 2200725560 và giấy chứng nhận bảo hiểm số 2200725561 đều mang tên Nguyễn Khắc Đ và số tiền 420.000đ (Bốn trăm hai mươi nghìn đồng) là tài sản hợp pháp của ông Nguyễn Khắc Đ; số tiền 23.000.000đ (Hai mươi ba triệu đồng) là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Thịnh Văn Q nên ngày 12/5/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện Cẩm Khê đã trả lại cho ông Nguyễn Khắc Đ, anh Nguyễn Thịnh Văn Q cần được xác nhận.

Đối với 01 giấy mua bán xe mô tô, xe máy giữa anh Nguyễn Thịnh Văn Q và Vũ Cao K đề ngày 24/3/2023 (Bản chính) cần được lưu hồ sơ vụ án.

- Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại là ông Nguyễn Khắc Đ đã nhận lại tài sản bị K lừa đảo, không yêu cầu bị cáo K phải bồi thường chiếc ví giả da, căn cước công dân và chứng minh thư nhân dân mà K đã vớt đi, không yêu cầu bị cáo K và L phải bồi

thường gì khác. Đồng thời ông Đ có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo K là phù hợp.

Người có Q lợi liên quan là anh Nguyễn Thịnh Văn Q đã nhận lại số tiền mua xe của K, L và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì khác là phù hợp.

[6]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy Đ của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT Đ:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174.

Tuyên bố: Bị cáo Vũ Cao K và Vũ Ngọc Quang L phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 36; Điều 90; Khoản 1, 3, 4, 6 Điều 91; khoản 3 Điều 98, Điều 100; khoản 2 Điều 47; khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 106; Khoản 2 Điều 136; Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy Đ về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt Vũ Cao K 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36; Điều 90, Khoản 1, 3, 4, 6 Điều 91, khoản 3 Điều 98, Điều 100; khoản 2 Điều 47; khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 106; Khoản 2 Điều 136; Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy Đ về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt Vũ Ngọc Quang L 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Vũ Cao K và Vũ Ngọc Quang L. Không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Cẩm Khê nhận được quyết Đ thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo K, L cho UBND xã H, huyện Cẩm Khê tỉnh Thọ giám sát, giáo dục. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính Q địa phương trong việc giám sát giáo dục các bị cáo. Buộc các bị cáo phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng theo quy Đ tại khoản 4 Điều 36 của Bộ luật hình sự. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng đối với mỗi bị cáo là không quá 04 giờ/01 ngày và không quá 05 ngày/01 tuần. Trong thời gian cải tạo không giam giữ, người bị kết án về cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy Đ tại Luật thi hành án hình sự về cải tạo. Trường hợp các bị cáo vắng mặt tại nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì áp dụng theo quy Đ tại Điều 100 Luật thi hành án hình sự.

- Về vấn đề dân sự và xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47, khoản 1 điều 48 của Bộ luật hình sự; khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Về phần dân sự:

Xác nhận bị hại là ông Nguyễn Khắc Đ đã nhận lại tài sản bị K lừa đảo, không yêu cầu bị cáo K phải bồi thường chiếc ví giả da, căn cước công dân và chứng minh thư nhân dân mà K đã vớt đi, không yêu cầu bị cáo K và L phải bồi thường gì khác. Đồng thời ông Đ có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo K.

Xác nhận người có Q lợi liên quan là anh Nguyễn Thịnh Văn Q đã nhận lại số tiền mua xe của K, L và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì khác.

Về xử lý vật chứng:

Xác nhận ngày 12/5/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện Cẩm Khê đã trả lại cho ông Nguyễn Khắc Đ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vission màu xanh đen BKS: 19G1-5..., số máy: JK03E5389934, số khung: RLHJK0314NZ053001, xe đã qua sử dụng, 01 chìa khóa, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 19000020, giấy chứng nhận bảo hiểm số 2200725560 và giấy chứng nhận bảo hiểm số 2200725561 đều mang tên Nguyễn Khắc Đ và số tiền 420.000đ (Bốn trăm hai mươi nghìn đồng); cho anh Nguyễn Thịnh Văn Q số tiền 23.000.000đ (Hai mươi ba triệu đồng). (Theo biên bản về việc trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cẩm Khê ngày 12/5/2023)

Lưu hồ sơ vụ án: 01 giấy mua bán xe mô tô, xe máy giữa anh Nguyễn Thịnh Văn Q và Vũ Cao K đề ngày 24/3/2023 (Bản chính).

Về án phí: Buộc bị cáo Vũ Cao K và Vũ Ngọc Quang L mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo, người đại diện hợp pháp của các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo có mặt được Q kháng cáo; Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND huyện Cẩm Khê;
- Cơ quan Thi hành án hình sự huyện Cẩm Khê;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê;
- UBND xã H, huyện Cẩm Khê
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu HS+VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Việt D

